

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2023

V/v: Tranh chấp không công nhận  
quan hệ vợ chồng, tranh chấp về  
nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Thông Phi và Bà Huỳnh Thị Yên.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lương Thị Tâm - Thẩm tra  
viên Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận  
tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: **Thôn D, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.**

**- Bị đơn:** Ông **Phan Thế K**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: **Thôn D, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.**

**- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Cháu **Phan Thị Hoàng V**, sinh ngày 25/01/2008; Nơi cư trú: **Thôn D, xã G, huyện T.**

Tại phiên tòa vắng mặt bà **Phạm Thị P**, ông **Phan Thế K**, cháu **Phan Thị Hoàng V** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Phạm Thị P** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị P** và ông **Phan Thế K** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm về lối sống, vợ chồng thường xuyên không tôn trọng nhau, ông **K** thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới, đánh đập bà **P**, mặc dù bà **P** đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông **K** không thay đổi, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên, trầm trọng kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Hiện nay bà **P** xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn sống đoàn tụ với ông **K** nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông **K**.

- Về con chung: Bà **P** và ông **K** có 03 người con chung tên là **Phan Thế S**, sinh năm 2002, **Phan Đức K1**, sinh năm 2004 và **Phan Thị Hoàng V**, sinh ngày 25/01/2008; Đối với cháu **Phan Thế S**, **Phan Đức K1** đã thành niên nên bà **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu **Phan Thị Hoàng V**, sinh ngày 25/01/2008 đang còn nhỏ nên bà **P** đề nghị Tòa án giao cho bà **P** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Bà **P** không yêu cầu ông **K** phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà **P**.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà **P** xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn ông **Phan Thế K** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phan Thế K** và bà **Phạm Thị P** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm về lối sống, mâu thuẫn về chuyện làm ăn kinh tế, mâu thuẫn thường xuyên trầm trọng kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc. Ông **K** nghi ngờ bà **P** có quan hệ với người đàn ông khác. Hiện nay ông **K** xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông **K** đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà **P**. Đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông **K** và bà **P**.

- Về con chung: Ông **K** và bà **P** có 03 người con chung tên là **Phan Thế S**, sinh năm 2002, **Phan Đức K1**, sinh năm 2004 và **Phan Thị Hoàng V**, sinh ngày 25/01/2008; Đối với cháu **Phan Thế S**, **Phan Đức K1** đã thành niên nên ông **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu **Phan Thị Hoàng V**, sinh ngày 25/01/2008 đang còn nhỏ nên ông **K** đề nghị Tòa án giao con cho bà **P** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và ông **K** sẽ không cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà **P**.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông **K** xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu **Phan Thị Hoàng V** trình bày:

Cháu tên **Phan Thị Hoàng V** hiện nay ba mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, cháu **V** có nguyện vọng được chung sống cùng với mẹ vì mẹ là người yêu thương, chăm sóc cháu nhiều hơn.

#### **Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện T, tỉnh Bình Thuận** phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử không công nhận bà **Phạm Thị P** và ông **Phan Thế K** là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho bà **Phạm Thị P** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 người con tên **Phan Thị Hoàng V**, sinh ngày 25/01/2008 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông **K** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà **P**.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà **Phạm Thị P** số tiền tạm ứng án phí 7.460.000 đồng (*bảy triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0011736 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà **Phạm Thị P** yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; Bị đơn có nơi cư trú tại: **Thôn D, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt, đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà **P** và ông **K** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã **G, huyện T, tỉnh Bình Thuận** cũng đã xác nhận bà **P** và ông **K** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà **P** và ông **K** không được pháp luật thừa nhận. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTCVKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp thì bà **P** và ông **K** phải đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, tức là từ ngày 01/01/2001 đến 01/01/2003. Tuy nhiên, bà **P** và ông **K** vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **P** và ông **K**.

3.2 Về con chung: Bà **P** đề nghị Tòa án giao cháu **Phan Thị Hoàng V** cho bà **P** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông **K** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà **P**. Xét điều kiện thực tế cháu **V** đang chung sống cùng với bà **P** và yêu cầu của bà **P** là có căn cứ, trong biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2023 cháu **V** cũng có nguyện vọng được chung sống cùng với bà **P** nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông **K** không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Trong đơn khởi kiện ngày 26/12/2022 bà **P** yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2023 bà **Phạm Thị P** đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà **P** về việc phân chia tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Phạm Thị P** với ông **Phan Thế K**.

**2. Về con chung:** Giao cho bà **Phạm Thị P** được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Phan Thị Hoàng V**, sinh ngày 25/01/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông **Phan Thế K** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà **Phạm Thị P**.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Không xem xét.

**4. Về án phí:** Bà **Phạm Thị P** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011737 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà **Phạm Thị P** đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trả lại cho bà **Phạm Thị P** số tiền tạm ứng án phí 7.460.000 đồng (*bảy triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0011736 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tân Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Linh;
- UBND xã Gia Huỳnh, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận (thay thông báo);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Bình**